

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2026
“V/v Ly hôn giữa chị Đ và anh C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Tuyết Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 háng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 105/2026/TB-TA ngày 04 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thu Đ**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lương Tấn C**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thu Đ trình bày như sau:

Chị Đ và anh C chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và thực hiện đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/8/2017.

Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường đi biển dài ngày nhưng khi vào bờ thì chỉ lo nhậu nhẹt không quan tâm tới vợ con, thường xuyên tỏ ra ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến danh dự của chị Đ và còn có lời lẽ thiếu tôn trọng gia đình bên vợ. Có lần anh C còn có hành vi bạo lực đánh vợ. Trong thời gian dài chị Đ đã góp ý nhưng anh C không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Lương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/2017 và Lương Thị Trúc Q, sinh ngày 31/05/2022. Chị Đ yêu cầu được quyền nuôi các con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - bị đơn anh Lương Tấn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Anh C không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của chị Đông.

Ý kiến của con chung: Cháu Lương Thị Thu T có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy căn cước công dân (bản công chứng), giấy khai sinh của các con chung (bản sao). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ ly hôn với anh C, về con chung giao cháu các con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tây Yên, tỉnh An Giang, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh C và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh C đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự phiên tòa xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Đ và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở để xác định đời sống vợ chồng của chị Đ và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C chưa dành nhiều sự quan tâm đến gia đình vợ con, do có tính ghen tuông nên có cư xử thiếu tôn trọng làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của vợ. Vợ chồng đã sống ly thân, đến nay chị Đ xác định không còn tình cảm với chồng và không muốn tiếp tục đời sống hôn nhân cùng anh C, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng các đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giải quyết cho chị Đ ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Đ và anh C có hai người con chung chưa thành niên. Xét

thấy, điều kiện hiện nay chị Đ có nhà cửa, lao động có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng giáo dục con chung trong khi anh C đi làm nghề biển thường vắng nhà dài ngày ít có điều kiện gần gũi chăm sóc con chung đồng thời cháu Lương Thị Thu T có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Lương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/2017 và cháu Lương Thị Trúc Q, sinh ngày 31/5/2022 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị Đ xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Đ là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thu Đ và anh Lương Tấn C.

2. Về con chung: Giao các cháu Lương Thị Thu T, sinh ngày 13/01/2017 và cháu Lương Thị Trúc Q, sinh ngày 31/5/2022 cho chị Trần Thu Đông nuôi dưỡng sau khi chị Trần Thu Đ và anh Lương Tấn C ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Trần Thu Đ không yêu cầu anh Lương Tấn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thu Đ xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thu có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 302544 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị Trần Thu Đ đã nộp đủ án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND đặc khu Kiên Hải ;
- Lưu, HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**Đinh Thị Thơm**